



yīn mái

阴霾

noun · haze, gloomy weather

Example Sentences

Jīn tiān tiān kōng yǒu yīn mái

今天天空有阴霾。

There is haze in the sky today.

Chéng shì shàng kōng lǒng zhào zhe yī céng yīn mái

城市上空笼罩着一层阴霾。

A layer of haze hangs over the city.

Shī bài hòu de tā xīn zhōng chōng mǎn le yīn mái

失败后的他心中充满了阴霾。

After the failure, his heart was filled with gloom.

Trace each character, then write the word on your own.

阴	阴	阴	阴	阴	阴	阴	阴	阴		
霾	霾	霾	霾	霾	霾	霾	霾	霾	霾	霾
霾	霾	霾	霾	霾	霾	霾	霾	霾	霾	霾
霾	霾	霾								